

Bản án số: 127/2026/DS-ST

Ngày: 09-03-2026

V/v tranh chấp “*Hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đinh Thị Kim Phụng;

2. Ông Võ Văn Dũng;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 877/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2026/QĐXX-ST ngày 19 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2026/QĐST-DS ngày 09/02/2026 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974.

Căn cước công dân 082174011813 cấp ngày 29/6/2021;

Địa chỉ: ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2/ *Bị đơn:* Bà Lê Thị G, sinh năm 1966; (Vắng mặt)

Ông Trần Văn K, sinh năm 1964; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1/ Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

3.2/ Nguyễn Thị Nguyệt H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (Xin vắng mặt)

4/ *Người làm chứng:*

Trần Thị Mai L, sinh năm 1959;

Địa chỉ: ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Do quen biết nên bà có chơi dùm bà G 01 dây hụi do bà N làm thảo, dây hụi mở ngày 10/7/2023 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, gồm 26 phần, tổ chức khai vào ngày 10 hàng tháng. Bà tham gia 01 phần, hót kỳ đầu tiên được số tiền là 61.000.000 đồng, bà đã giao đủ cho bà G số tiền 61.000.000 đồng, mỗi tháng bà G phải có trách nhiệm đưa bà 3.000.000 đồng để đóng hụi chết cho bà N, hiện dây hụi đã mãn, bà G không đóng tiền hụi chết tổng cộng là 13.000.000 đồng. Bà phải lấy tiền cá nhân đóng cho bà N 13.000.000 đồng.

Trong năm 2024 bà G có tham gia 01 dây hụi do bà H làm thảo, loại hụi 500.000 đồng, cách 10 ngày sẽ tổ chức hót hụi một lần, bà G hót được 12.100.000 đồng nhưng bà H không đủ khả năng giao nên bà H bán dây hụi này qua cho bà, bà đã giao cho bà G số tiền 12.100.000 đồng, bà G phải có trách nhiệm đóng hụi chết cho bà, hiện dây hụi đã mãn còn nợ 07 phần với số tiền 3.500.000 đồng.

Ngoài ra trong năm 2025 bà có nhiều lần cho bà G vay số tiền tổng cộng là 7.000.000 đồng.

Tổng cộng bị đơn còn nợ bà số tiền là 23.500.000 đồng, số tiền này ông K là chồng bà G biết rõ và có hứa hẹn trả nợ cho bà. Vào ngày mùng 3 Tết nhằm ngày 19/02/2026 dương lịch bà G, ông K có trả được cho bà số tiền 6.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền 17.500.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà G, ông K có trách nhiệm trả cho bà trả số tiền 17.500.000 đồng. Đồng ý cho bà G, ông K trả số tiền 17.500.000 đồng làm 04 lần, mỗi lần trả 4.3750.000 đồng. Lần 01 vào ngày 09/6/2026; lần 02 vào ngày 09/9/2026; lần 3 vào ngày 09/12/2026; lần 04 vào ngày 09/3/2027. Trường hợp bị đơn vi phạm thì bà yêu cầu trả số tiền còn lại làm 01 lần.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng bà Lê Thị G là bị đơn trình bày:*

Bà thống nhất còn nợ bà Đ số tiền là 23.500.000 đồng, xin trả số tiền này trong một năm, chia làm 04 lần do hoàn cảnh khó khăn.

Việc bà chơi hụi và vay tiền chồng bà không biết đến sau này mới biết. Tiền hụi, tiền vay bà sử dụng mục đích xoay sở sinh hoạt gia đình, bị gựt hụi, lấy đầu này, tấp đầu kia.

** Bà Nguyễn Thị Nguyệt H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, không có ý kiến trình bày.*

** Bà Nguyễn Thị Mỹ N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến trình bày.*

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng bà Trần Thị Mai L là người làm chứng trình bày:*

Bà và bà Đ, bà G có quen biết, không có bà con thân thích, cũng không có

mâu thuẫn. Bà G than khổ, nhờ bà chơi hụi dùm nhưng bà bệnh không có khả năng chơi hụi nên bà có nói với bà Đ chơi hụi dùm bà G. Bà Đ thương nên chơi hụi dùm. Khi hốt hụi từ bà N, bà có chứng kiến bà Đ giao tiền hụi lại cho bà G và bà có ghi giấy cho hai bên ký tên. Sau này nghe bà G không đóng tiền đầy đủ cho bà Đ, bà Đ đòi hoài không được nên kiện ra Tòa.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tại phiên tòa như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền hụi và tiền vay. Căn cứ vào Điều 463, 471 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Lê Thị G, Trần Văn K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mỹ N vắng mặt không lý do mặc dù toà án đã tổng đạt hợp lệ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Nguyệt H, người làm chứng Trần Thị Mai L có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4]. Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ tổng cộng là 17.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Thời gian thực hiện 04 lần; mỗi lần trả 4.3750.000 đồng. Lần 01 vào ngày 09/6/2026; lần 02 vào ngày 09/9/2026; lần 03 vào ngày 09/12/2026; lần 04 vào ngày 09/3/2027. Trường hợp bị đơn vi phạm thì bà yêu cầu trả số tiền còn lại làm 01 lần. Bị đơn bà G đồng ý trả nợ. Ông K vắng mặt không có ý kiến trình bày.

[4.1] Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà G, ông K trả số tiền 17.500.000 đồng, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không

vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch hui và vay tiền giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, đã được các bên thừa nhận và cũng thể hiện qua biên nhận mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Điều đó có căn cứ cho rằng bị đơn là bà Lê Thị G và ông Trần Văn K có nợ bà Nguyễn Thị Đ số tiền tổng cộng là 17.500.000 đồng hiện chưa thanh toán.

Xét thấy đây là nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, đồng thời bà G cũng thừa nhận tiền hui, tiền vay cũng dùng để phát triển kinh tế chung của gia đình nên xác định đây là nợ chung của bà G và ông K.

Đồng thời, bị đơn là ông K đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm nhưng ông vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tài liệu, tình tiết, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy chỉ ông K đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.2] Về thời gian trả tiền: Xét thấy số tiền trên bị đơn nợ đã lâu, khi vay hai bên có thỏa thuận thời gian trả tiền nhưng bị đơn đã không thực hiện, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Đối với tiền nợ hui, theo quy định tại Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, hụi, biếu, phượng thì thảo hui phải có trách nhiệm nộp thay phần hui của thành viên nếu đến kỳ mở hui mà có thành viên không góp hui và hui viên phải có nghĩa vụ đóng hui chết cho thảo hui đến khi dây hui mãn, việc bà Đ đóng hui cho thảo hui và choàng phần hui khi bà G không đóng tiền hui chết là nghĩa vụ, khi dây hui mãn, bà Đ có quyền yêu cầu bà G thanh toán lại.

Việc bị đơn xin trả dần và vắng mặt sẽ gây thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn. Tuy nhiên, xét thấy nguyên đơn yêu cầu trả 04 lần; mỗi lần trả 4.3750.000 đồng. Lần 01 vào ngày 09/6/2026; lần 02 vào ngày 09/9/2026; lần 3 vào ngày 09/12/2026; lần 04 vào ngày 09/3/2027. Trường hợp bị đơn vi phạm thì bà yêu cầu trả số tiền còn lại làm 01 lần là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi: Các đương sự không yêu cầu nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, 228, 229, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án;

- Các Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự;

- Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biêu, phường;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ

Buộc bà Lê Thị G và ông Trần Văn K cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tổng cộng là 17.500.000 đồng.

Thời gian và hình thức trả tiền: Trả trong 04 lần; mỗi lần trả 4.3750.000 đồng. Lần 01 vào ngày 09/6/2026; lần 02 vào ngày 09/9/2026; lần 03 vào ngày 09/12/2026; lần 04 vào ngày 09/3/2027. Trường hợp bị đơn vị phạm thì buộc bị đơn thanh toán số tiền còn lại làm 01 lần.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Bị đơn bà Lê Thị G, ông Trần Văn K phải chịu 875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H1 lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 587.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0014318 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh DT;
- VKSND KV2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thảo